

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ THEO ĐỊNH HƯỚNG
NGHIÊN CỨU VÀ ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**

Tên chuyên ngành: Kiến trúc

Mã số: 60.58.01.02

1.1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Mục tiêu đào tạo Thạc sĩ chuyên ngành Kiến trúc công trình của Đại học Đà Nẵng nhằm phát triển nguồn nhân lực bậc cao phục vụ cho nhu cầu xây dựng ngày càng lớn của khu vực, như trong kế hoạch phát triển chung của Đại học Đà Nẵng.

1.1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo các chuyên gia có trình độ chuyên môn cao về lĩnh vực Kiến trúc công trình. Sau khi hoàn thành chương trình, học viên sẽ có kiến thức chuyên môn vững vàng, có khả năng làm việc độc lập, tự cập nhật được các vấn đề mới và hiện đại, có năng lực thực hành và khả năng thích ứng cao trước sự phát triển của khoa học kỹ thuật, kinh tế xã hội và môi trường; có khả năng phát hiện và giải quyết những vấn đề chuyên môn sâu thuộc lĩnh vực quy hoạch và kiến trúc công trình.

1.1.2. Mục tiêu cụ thể

1. Phẩm chất và thái độ

Học viên phải có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm đối với công việc và cộng đồng. Đặc biệt là ý thức về bảo vệ môi trường ở góc độ rộng hơn, rèn luyện và hoàn thiện ý thức kỷ luật và tác phong làm việc công nghiệp và hiện đại.

2. Kiến thức và kỹ năng

Học viên sẽ được trang bị các kiến thức chuyên ngành và có được các kỹ năng sau:

- Củng cố và nâng cao kiến thức cơ bản, cơ sở ngành và chuyên ngành, tăng cường kiến thức liên ngành; Cập nhật bổ sung, hiện đại hóa các kiến thức chuyên ngành Kiến trúc công trình.

- Trang bị kiến thức, phương pháp luận về nghiên cứu khoa học, có khả năng độc lập nghiên cứu; Nâng cao năng lực chuyên môn về phương diện lý thuyết và kỹ năng thực hành.

- Có kiến thức cơ bản để có thể làm nghiên cứu sinh cùng chuyên ngành.

- Có kỹ năng vận dụng các kiến thức đã được trang bị giải quyết các vấn đề khoa học, công nghệ và thực tiễn. Các kỹ năng bao gồm: phân tích vấn đề (phân tích, phương thức tiếp cận, xác định mục tiêu, đặt mục đích...), giải quyết các vấn đề (lựa

chọn đối tượng, phạm vi nghiên cứu, nội dung và phương pháp nghiên cứu...) có liên quan đến chuyên ngành.

- Về ngoại ngữ: Trang bị cho học viên kiến thức ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp đạt yêu cầu theo Điểm b, Khoản 2, Điều 27, thông tư 15/2014/TT-BGDĐT (Trình độ năng lực ngoại ngữ của học viên đạt được ở mức tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 của Khung Châu Âu Chung – xem phụ lục II của Thông tư); theo quyết định 2523/QĐ-ĐHĐN; cụ thể như sau:

- Tiếng Anh: có chứng chỉ TOEFL ITP từ 450, TOEFL iBT từ 45 điểm, IELTS từ 4.5, TOEIC từ 500 điểm trở lên;

- Tiếng Pháp: đạt bằng DELF từ cấp độ B1, chứng chỉ TCF từ 300 điểm trở lên;

- Các ngoại ngữ khác: được quy về trình độ tương đương các chứng chỉ tiếng Anh như trên để đánh giá;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngoại ngữ (cho tất cả các hệ đào tạo), bằng tốt nghiệp đại học nước ngoài hoặc bằng tốt nghiệp đại học trong nước được giảng dạy chuyên môn bằng ngoại ngữ không qua phiên dịch.

Các chứng chỉ ngoại ngữ phải còn giá trị trong thời hạn 2 năm kể từ ngày cấp đến ngày bảo vệ luận văn tốt nghiệp.

1.1.3. Chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo

Căn cứ các mục tiêu cụ thể nêu trong mục 1.1.2, chương trình đào tạo xây dựng hệ thống chuẩn đầu ra cho người học như sau:

- CĐR 1: Có nhận thức và thái độ đúng đắn về bối cảnh kinh tế xã hội của đất nước;

- CĐR 2: Có khả năng sử dụng thông thạo một ngoại ngữ trong công tác chuyên môn;

- CĐR 3: Nắm vững phương pháp nghiên cứu Khoa học phục vụ cho công tác nghiên cứu chuyên môn;

- CĐR 4: Nắm vững các kiến thức tiên tiến của thế giới trong lĩnh vực kiến trúc và đô thị đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và mục tiêu phát triển bền vững;

- CĐR 5: Có khả năng vận dụng các kiến thức mới nhằm nâng cao năng lực quản lý trong lĩnh vực kiến trúc và đô thị;

- CĐR 6: Có tư duy phân tích và tổng hợp để giải quyết các vấn đề liên quan đến các dự án kiến trúc và quy hoạch;

Các chuẩn đầu ra này sẽ được đáp ứng bởi các học phần cụ thể nêu trong khung chương trình đào tạo xây dựng ở phần **Error! Reference source not found.** Học viên phải vượt qua được hệ thống kiểm tra đánh giá của học phần để đạt được các chuẩn đầu ra như đã đề cập ở trên.

3. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, nhận bằng thạc sỹ chuyên ngành Kiến trúc công trình, người được đào tạo có thể đảm nhiệm được các công việc tại các tổ chức, cơ quan và doanh nghiệp sau:

- Chuyên viên làm việc độc lập, hoặc phụ trách các nhóm chuyên viên thực hiện công tác quản lý và triển khai thực hiện các vấn đề liên quan đến chuyên ngành như: Đồ án quy hoạch, Kiến trúc, Quản lý xây dựng cơ bản, Các ban quản lý các khu công nghiệp, Công ty tư vấn thiết kế, Các nhà máy xí nghiệp... và các dự án phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện các nghiên cứu khoa học, ứng dụng và triển khai các đề tài nghiên cứu vào thực tiễn trong lĩnh vực xây dựng nói chung và lĩnh vực quy hoạch và kiến trúc công trình nói riêng.

- Tham gia giảng dạy, đào tạo cán bộ kỹ thuật chuyên ngành tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Các lĩnh vực công tác có thể phân chia theo các chuyên ngành như sau:

- Lĩnh vực quản lý nhà nước: Bộ Xây dựng; Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố; Viện quy hoạch các tỉnh thành phố; các bộ phận chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp; các Ban quản lý dự án của bộ Xây dựng các tỉnh, thành phố và các huyện...

- Lĩnh vực tư vấn: các Tổng công ty, công ty tư vấn xây dựng – kiến trúc.

- Lĩnh vực nghiên cứu: các Viện nghiên cứu quy hoạch, kiến trúc; Viện nghiên cứu vật liệu xây dựng; Viện nghiên cứu xã hội – đô thị.

- Lĩnh vực đào tạo: các Trường đại học, cao đẳng có đào tạo chuyên ngành xây dựng, kiến trúc; Viện nghiên cứu xây dựng trong các trường đại học.

- Lĩnh vực thi công: các công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng – kiến trúc.

1.2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Tổng thời gian đào tạo: 1,5 năm đến 2 năm.

1.2.1. Khung chương trình đào tạo

Danh mục các môn học:

MÃ SỐ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	KHỐI LƯỢNG (TC)		
Phần chữ	Phần số		Tổng số	LT	TH, TN
		I. CÁC MÔN CHUNG	3	3	0
DNTH	501	Triết học	3	3	0
		II. CÁC MÔN HỌC BẮT BUỘC	18	10	8

KTPL	502	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành	1	1	0
KTSK	503	Kiến trúc sinh khí hậu	3	2	1
KTCQ	504	Lý thuyết Kiến trúc cảnh quan	2	1	1
KTGI	505	Kỹ thuật GIS trong quy hoạch và quản lý đô thị	2	1	1
KTĐT	506	Đô thị hóa và Phân bố dân cư	2	1	1
KTTC	507	Kỹ thuật thi công hiện đại	2	1	1
KTST	508	Sinh thái học	2	1	1
KTUF	509	Hình thức Đô thị qua các case studies	2	1	1
KTUD	510	Thiết kế đô thị	2	1	1
III. CÁC MÔN HỌC TỰ CHỌN			14	7	7
A. NHÓM CƠ SỞ NGÀNH					
KTTG	511	Kỹ thuật thông gió và điều hòa không khí (tự chọn 1)	2	1	1
KTQL	512	Quản lý nhà nước về môi trường và đất đai (tự chọn 1)	2	1	1
KTGT	513	Quy hoạch Giao thông vận tải đô thị (tự chọn 2)	2	1	1
KTMT	514	Quản lý môi trường đô thị (tự chọn 2)	2	1	1
B. NHÓM CHUYÊN NGÀNH					
KTLS	515	Lý thuyết sáng tác nâng cao (tự chọn 3)	2	1	1
KTDD	516	Kiến trúc Đông dương (tự chọn 3)	2	1	1
KTTU	517	Thiết kế kiến trúc theo lý thuyết tối ưu (tự chọn 4)	2	1	1
KTGB	518	Công trình xanh (tự chọn 4)	2	1	1
KTQH	519	Lý thuyết Quy hoạch (tự chọn 5)	2	1	1
KTLP	520	Luật kiểm soát quy hoạch và phát triển (tự chọn 5)	2	1	1
KTDQ	521	Thực hành quy hoạch & thiết kế không gian đô thị (tự chọn 6)	2	1	1
KTDK	522	Thực hành thiết kế công trình đa chức năng (tự chọn 6)	2	1	1
KTQD	523	Quản lý dự án (tự chọn 7)	2	1	1
KTTT	524	Trùng tu công trình Kiến trúc (tự chọn 7)	2	1	1
IV. Luận văn tốt nghiệp			10	0	10
TỔNG CỘNG KHỐI LƯỢNG ĐÀO TẠO			45	Tín chỉ	

Các môn học theo từng học kỳ:

MÃ SỐ HỌC PHẦN		TÊN HỌC PHẦN	KHỐI LƯỢNG (TC)		
Phần Chữ	Phần Số		TỔNG SỐ	LT	TN TH
Học kỳ 1			17	11	6
DNTH	501	Triết học	3	3	0
KTPL	502	Phương pháp luận NCKH	1	1	0
KTSK	503	Kiến trúc sinh khí hậu	3	2	1
KTST	508	Sinh thái học	2	1	1
KTUF	509	Hình thức Đô thị qua các case studies	2	1	1
KTĐT	506	Đô thị hóa và Phân bố dân cư	2	1	1
KTTC	507	Kỹ thuật thi công hiện đại	2	1	1
KTUD	510	Thiết kế đô thị	2	1	1
Học kỳ 2			18	9	9
KTGI	505	Kỹ thuật GIS trong quy hoạch và quản lý đô thị	2	1	1
KTCQ	504	Lý thuyết Kiến trúc cảnh quan	2	1	1
KTTG	511	Kỹ thuật thông gió và điều hòa không khí (tự chọn 1)	2	1	1
KTQL	512	Quản lý nhà nước về môi trường và đất đai (tự chọn 1)			
KTGT	513	Quy hoạch Giao thông vận tải đô thị (tự chọn 2)	2	1	1
KTMT	514	Quản lý môi trường đô thị (tự chọn 2)			
KTLS	515	Lý thuyết sáng tác nâng cao (tự chọn 3)	2	1	1
KTDD	516	Kiến trúc Đông Dương (tự chọn 3)			
KTTU	517	Thiết kế kiến trúc theo lý thuyết tối ưu (tự chọn 4)	2	1	1
KTGB	518	Công trình xanh (tự chọn 4)			
KTQH	519	Lý thuyết Quy hoạch (tự chọn 5)	2	1	1
KTLP	520	Luật kiểm soát quy hoạch và phát triển (tự chọn 5)			
KTDQ	521	Thực hành quy hoạch & thiết kế không gian đô thị (tự chọn 6)	2	1	1
KTDK	522	Thực hành thiết kế công trình đa chức năng (tự chọn 6)			

KTQD	523	Quản lý dự án (tự chọn 7)	2	1	1
KTTT	524	Trùng tu công trình Kiến trúc (tự chọn 7)			
Học kỳ 3			10	0	10
Luận văn tốt nghiệp			10	0	10

1.2.2. Mối quan hệ giữa khung chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình

Hệ thống chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình (như đã trình bày ở mục 1.1.3) gồm:

- CĐR 1: Có nhận thức và thái độ đúng đắn về bối cảnh kinh tế xã hội của đất nước;
- CĐR 2: Có khả năng sử dụng thông thạo một ngoại ngữ trong công tác chuyên môn;
- CĐR 3: Nắm vững phương pháp nghiên cứu Khoa học phục vụ cho công tác nghiên cứu chuyên môn;
- CĐR 4: Nắm vững các kiến thức tiên tiến của thế giới trong lĩnh vực kiến trúc và đô thị đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và mục tiêu phát triển bền vững;
- CĐR 5: Có khả năng vận dụng các kiến thức mới nhằm nâng cao năng lực quản lý trong lĩnh vực kiến trúc và đô thị;
- CĐR 6: Có tư duy phân tích và tổng hợp để giải quyết các vấn đề liên quan đến các dự án kiến trúc và quy hoạch;

Các học phần có trong khung chương trình được thiết kế với mục đích phục vụ các mục tiêu đào tạo, cụ thể là học viên sau khi học xong chương trình sẽ đạt được các chuẩn đầu ra như đã thiết kế. Mối quan hệ giữa các học phần với các chuẩn đầu ra được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1: Ma trận ánh xạ thể hiện mối quan hệ giữa các học phần với các chuẩn đầu ra

Mã học phần	Tên học phần	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	Ghi chú
Các môn chung								
DNTH 501	Triết học	X		X			X	
	Ngoại ngữ		X					Học viên tự học và đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ theo quy định của Bộ
Các học phần bắt buộc								
KTPL 502	Phương pháp luận NCKH chuyên ngành			X			X	

Mã học phần	Tên học phần	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	Ghi chú
KTSK 503	Kiến trúc sinh khí hậu				X			
KTCQ 504	Lý thuyết Kiến trúc cảnh quan				X	X		
KTGI 505	Kỹ thuật GIS trong quy hoạch và quản lý đô thị				X	X		
KTĐT 506	Đô thị hóa và Phân bố dân cư				X	X		
KTTC 507	Kỹ thuật thi công hiện đại				X			
KTST 508	Sinh thái học				X			
KTUF 509	Hình thức Đô thị qua các case studies		X			X		Học viên làm bài báo cáo và trình bày bằng tiếng Anh
KTUD 510	Thiết kế đô thị				X			
Các học phần tự chọn								
KTTC 511	Kỹ thuật thông gió và điều hòa không khí (tự chọn 1)				X			
KTQL 512	Quản lý nhà nước về môi trường và đất đai (tự chọn 1)	X			X	X		
KTGT 513	Quy hoạch Giao thông vận tải đô thị (tự chọn 2)				X	X		
KTMT 514	Quản lý môi trường đô thị (tự chọn 2)	X			X	X		
KTLS 515	Lý thuyết sáng tác nâng cao (tự chọn 3)				X			
KTDD 516	Kiến trúc Đông dương (tự chọn 3)				X			
KTTU 517	Thiết kế kiến trúc theo lý thuyết tối ưu (tự chọn 4)				X			
KTGB 518	Công trình xanh (tự chọn 4)		X		X			Học viên làm bài báo cáo và trình bày bằng tiếng Anh

Mã học phần	Tên học phần	CĐR 1	CĐR 2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	Ghi chú
KTQH 519	Lý thuyết Quy hoạch (tự chọn 5)				X	X		
KTLP 520	Luật kiểm soát quy hoạch và phát triển (tự chọn 5)				X	X		
KTDQ 521	Thực hành quy hoạch & thiết kế không gian đô thị (tự chọn 6)					X	X	
KTDK 522	Thực hành thiết kế công trình đa chức năng (tự chọn 6)					X	X	
KTQD 523	Quản lý dự án (tự chọn 7)				X	X		
KTTT 524	Trùng tu công trình Kiến trúc (tự chọn 7)			X	X			
	Luận văn tốt nghiệp		X	X	X	X	X	Khuyến khích học viên làm luận văn bằng tiếng Anh